

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



DAVV13.839

NGUYỄN HỮU HIẾU
NGÔ BÉ

CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC



KHU DI TÍCH NGUYỄN SINH SẮC - 2008

Cụ Phó Bảng NGUYỄN SINH SẮC

CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

(Tài sản lần thu bộ)



KHU DI TÍCH NGUYỄN SINH SẮC

2008

959.7032
C510 P

NGUYỄN ĐẮC HIỀN
Chủ biên

NGUYỄN HỮU HIẾU
NGÔ BÉ

CỤ PHỐ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

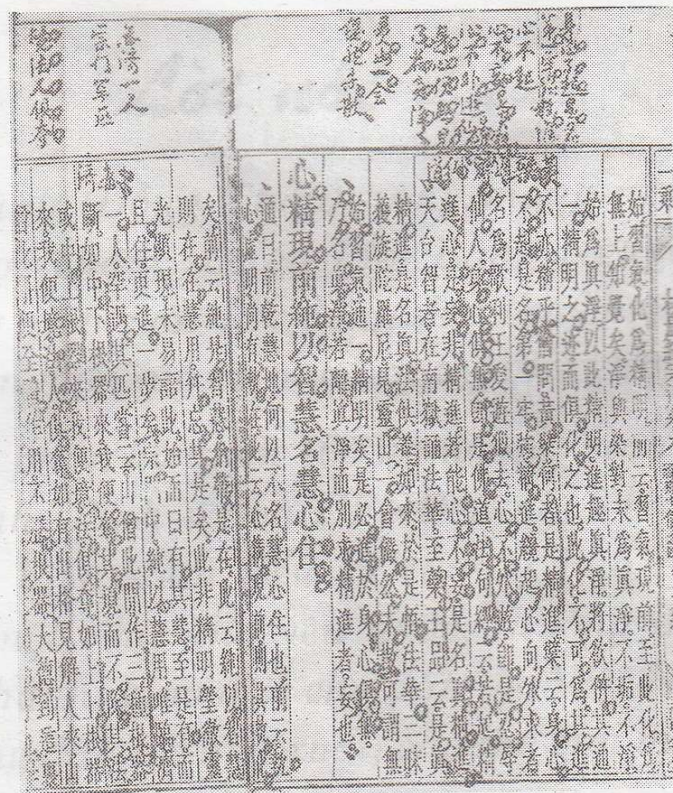
(Tái bản lần thứ ba)



KHU DI TÍCH NGUYỄN SINH SẮC
--2008--



✱ CỤ PHÓ BÀNG NGUYỄN SINH SẮC
(1862 - 1929)



Bút tích của cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc
(trong kinh Lăng Nghiêm)



Câu đối cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc
viết tặng chùa Kim Tiên (Cai Lậy, Tiền Giang)

Lời nói đầu

Cao Lân (Đồng Tháp) nặng mang nghĩa ân và có vinh dự được chăm sóc cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc trong những năm cuối đời; đồng thời thay mặt cả nước đấu tranh giữ gìn ngôi mộ cụ qua hai thời kỳ kháng chiến.

Để góp phần kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy và UBND Đồng Tháp đã chỉ đạo sưu tầm và biên soạn tiểu sử của cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc, một nhà nho yêu nước, thương dân, người có công sinh thành, giáo dục cho dân tộc Việt Nam một lãnh tụ giải phóng dân tộc kiệt xuất, cho thế giới một danh nhân văn hóa.

Về tiểu sử cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc, trước đây đã được Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh đề cập đến trong quyển “Những mẩu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ” và quyển “Những người thân trong gia đình Bác Hồ” của Trần Minh Siêu (Khu di tích Kim Liên). Trước đó có quyển “Cuộc đời và sự nghiệp nhà cách mệnh Nguyễn Ái Quốc” của tác giả có bút hiệu “Việt Nam”, xuất bản vào tháng 4 năm 1946 tại Hà Nội. Dù vậy, vẫn còn sơ lược, nhứt là khoảng đời cụ vào Nam cho đến lúc qua đời.

oOo

Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc là một nhà khoa bảng vào đầu thế kỷ XX, lúc mà xã hội Việt Nam đang trăn trở chuyển mình tìm phương giải phóng.

Cụ đi lên từ lớp nông dân nghèo khổ, đã bền chí phấn đấu khổ học cả nửa đời người quyết vươn tới đỉnh cao của kiến thức. Khi đỗ đạt, cụ không hề quay lưng với lớp người đồng cảnh mà sống hòa mình, hết lòng cứu mang, giúp đỡ họ. Cuộc đời cụ, cuộc đời của một người giàu lòng yêu nước, thương dân, giàu nghị lực, sống thanh bạch, chịu đựng nhiều nỗi đau mất mát, truân chuyên.

Nhân cách cao thượng ấy đã ảnh hưởng trực tiếp đối với các con của cụ, trong đó có Nguyễn Sinh Cung.

Từ Nguyễn Sinh Cung đến Nguyễn Tất Thành rồi Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh, tư tưởng thương dân, yêu nước của cụ đã được nâng đến đỉnh cao và phát triển phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử.

Đành rằng thiên tài phải được khẳng định bằng chính nỗ lực của thiên tài đó. Song “lịch sử của từng cá nhân hoàn toàn không tách rời mà là bị qui định bởi lịch sử của các cá nhân tiền bối hoặc cùng thời với họ”⁽¹⁾

oOo

Quyển sách “Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc” chỉ phác họa những nét đại thể về cuộc đời và hoạt động của cụ, nhứt là những năm cuối đời. Và việc làm này trước hết biểu lộ tấm lòng thương yêu, quý trọng, biết ơn của nhân dân Đồng Tháp đối với cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

(1) C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập, tập 3 tr. 440 Bản tiếng Nga.

Khu di tích lưu niệm cụ Nguyễn Sinh Sắc được xây dựng từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng nhưng đến tháng 6 năm 1988, chúng tôi mới thật sự bắt tay vào thực hiện công trình này, nên gặp nhiều khó khăn trong sưu tầm tư liệu. Hầu hết các nhân chứng lịch sử đã qua đời. Người còn sống thì cao tuổi, nhớ quên lẫn lộn, nên các tài liệu phỏng vấn và hồi ký cũng kém phần thuyết phục. Hồ sơ của mật thám Pháp còn lưu trữ cũng không thể tin cậy hoàn toàn. Song, chúng tôi được các Ban Tuyên giáo, Sở Văn hóa - Thông tin các tỉnh nhiệt tình giúp đỡ. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, Khu Di tích Kim Liên, Bảo tàng Cách mạng Huế, Bảo tàng Liên khu V, Bảo tàng Thuận Hải (Phan Thiết), Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghĩa Bình (nay là Bình Định), Khu lưu niệm Nhà Rồng, Thư viện Tổng hợp, Thư viện Khoa học xã hội II, Kho lưu trữ II (Thành phố Hồ Chí Minh) tận tình đóng góp nhiều tư liệu quý báu.

Tiểu sử cụ Sắc thời kỳ 1862 - 1910, chúng tôi sử dụng tư liệu của Khu Di tích Kim Liên, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh và kết quả của các lần hội thảo khoa học về Bác Hồ (từ 1985 - 1988).

Thời kỳ 1911 - 1929, chúng tôi sử dụng tư liệu do sưu tầm được và qua 9 cuộc tọa đàm, hai lần hội thảo khoa học về cụ Nguyễn Sinh Sắc ở Cao Lãnh (1988 và 1990). Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề về cụ chưa được thống nhất hoàn toàn, thậm chí trái ngược nhau, nên một số tư liệu được sử dụng trong quyển sách này còn có tính tham khảo, chưa hẳn chính xác, khẳng định.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các vị cao niên, các cơ quan, các địa phương đã giúp đỡ chúng tôi trong sưu tầm tư liệu và giúp nhiều tư liệu để hoàn thành quyển sách này. Chúng tôi vô cùng biết ơn giáo sư Trần Văn Giàu, cụ Hà Huy Giáp, đồng chí Trần Bạch Đằng và các nhà nghiên cứu, các giáo sư đã giúp chúng tôi nhiều ý kiến về nội dung và tư liệu để hoàn tất công trình.

Vì năng lực, điều kiện và thời gian có hạn, quyển sách "Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc" không sao tránh khỏi thiếu sót về nội dung và tư liệu. Rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp, bổ sung tư liệu quý báu của các địa phương, tổ chức và cán bộ, nhân dân các nơi, giúp cho quyển sách về tiểu sử của cụ Nguyễn Sinh Sắc đầy đủ và chính xác hơn.

Đồng Tháp ngày 3-2-1990

NHÓM BIÊN SOẠN

I - THỜI NIÊN THIỂU

Họ Nguyễn Sinh

Lung tròn đen sặc

PHẦN THỨ NHẤT

CUỘC ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC

NGUYỄN HỮU HIẾU

1 - THỜI NIÊN THIẾU

× + *Họ Nguyễn Sinh*

+ *Lưng trâu đèn sách*

Một ngày mùa đông năm 1862⁽¹⁾, tại ngôi nhà ba gian nép mình dưới lũy tre ở Kim Liên cách núi Chung không xa lắm, bà Hà Thị Hy đang trở dạ và sinh một cậu con trai.

× Nguyễn Sinh Nhậm vui mừng bỗng đứa bé từ tay bà mẹ. Bỗng ông chạnh nhớ tới người vợ trước đã mất cách đây gần hai mươi năm, cũng đã để lại cho ông một mụn con trai, tên là Nguyễn Sinh Trợ. Ông hết lòng thương yêu nuôi tiếc người vợ quá cố, nên cam chịu cảnh gà trống nuôi con trong lúc tuổi còn xuân. Đến lúc anh Trợ đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông nghe lời khuyên bảo của bà con, dòng họ nên mới tục huyền với cô Hy. Bà con bảo rằng:

- Ông Nhậm lấy được cô Hy thật là tốt phúc, gái còn son sánh duyên cùng trai con một đứa âu cũng là có sự xếp đặt của ông tơ bà nguyệt!

Các cụ ở làng Sài⁽²⁾ bạn bè của ông Hà Văn Cẩn cha cô Hy lại bảo rằng:

- Cái Hy dù lỡ thời, nhưng là một cô gái nhan sắc, tài hoa lại thông minh... lắm chàng trai ngắm ghé, nhưng

(1) Trước đây cũng có tài liệu cho rằng Nguyễn Sinh Sắc sanh năm 1863, nhưng theo: Danh sách trúng tuyển thi Hương năm Giáp Ngọ (1894), danh sách thi Hội khoa Tân Sửu (1901) cùng với 5 tờ trình của Bộ Lại và Bộ Hình thi đều ghi Nguyễn Sinh Sắc sanh năm Nhâm Tuất (1862).

(2) Cùng xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh với Làng Sen.

không được cô nhận trâu cau. Ông Cẩn là người khá giả, có ruộng đất, ham chuộng nho học, thường nuôi thầy đồ trong nhà để dạy con, nhưng không màng đến đường hoạn lộ thi cử. Ông Cẩn lại sành về đàn hát. Cô Hy được yêu quý nhất nhà, nên được cha truyền hết các món nghề đàn, phách, ca trù. Ông Cẩn gả cô Hy cho làng Sen tức là làng Sài chịu thiệt!

Các cụ ở làng Sen cũng không vừa:

- Anh Nhậm tuy cầm cày cuốc, nhưng con mắt đọc được chữ thánh hiền. Dòng họ anh Nhậm tuy không có đại khoa, nhưng vẫn có người đỗ đạt. Cách đây chừng ba trăm năm ông Nguyễn Bá Phổ⁽¹⁾ đến đây dựng nghiệp. Tiếp theo là Nguyễn Bá Bạt, Nguyễn Bá Ban, Nguyễn Bá Dân, đổi thành Nguyễn Sinh Dân. Đời thứ năm ông Nguyễn Sinh Vật có dự thi Hội khoa Tân Mão (1651). Đời thứ sáu có Nguyễn Sinh Trí lúc 17 tuổi dự khoa thi Hương khoa Quý Sửu (1673) đỗ Hiếu Sinh (tú tài). Đời thứ tám có Nguyễn Sinh Hải lập được chiến công to được vua Lê Cảnh Hưng phong sắc. Anh Nhậm thuộc thế hệ thứ mười, mặc dù không phải là giàu có, nhưng nhờ cần cù làm ăn nên cũng không đến đói nào. Cái Hy mà lấy được anh Nhậm cũng là xứng nơi lắm chứ có thiệt gì đâu...

Hay tin bà Hy sanh con trai, bà con làng Sài và làng Sen rủ nhau đến mừng. Ông Nhậm đặt tên cho con là Sắc, Nguyễn Sinh Sắc.

Bé Sắc lớn lên trong sự nâng niu, đùm bọc của cha, trong tiếng hát ngọt ngào như dòng sữa của mẹ. Bà Hy lòng tràn ngập niềm hạnh phúc. Ông Nhậm đã đưa bà ra

(1) Có nơi ghi chép là Nguyễn Bá Phụ.

khỏi cảnh lỡ thời và trao cho bà thiên chức làm mẹ. Bà bồi hồi xúc động mỗi khi ông Nhậm làm đồng về còn tay lấm chân bùn đã vội đến bên vồng nâng niu bé Sắc đang say ngủ. Có những đêm dưới ngọn đèn dầu lạc, ông Nhậm dù mệt nhọc sau một ngày cày cuốc vẫn cố gắng chăm chút mấy chữ của thánh hiền bên cạnh bà vừa lay động khung cửi vừa ru con. Đó là những lúc bà thấy vui sướng nhất.

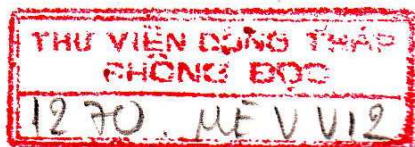
Cơn nóng khủng khiếp của mùa gió Lào năm Giáp Ty đã làm cây cỏ khô rụi, cướp đi ông Nhậm⁽¹⁾ và thiêu đốt luôn cái hạnh phúc mà bà Hy chỉ mới hưởng được của mấy năm. Cái chết của ông Nhậm làm sức khỏe của bà suy sụp nhanh chóng. Dù mới ngoài ba mươi, nhưng trông bà già hẳn đi. Theo lời khuyên của họ hàng, vợ chồng anh Nguyễn Sinh Trợ⁽²⁾ mời mẹ con bà về ở chung. Song bà e ngại miệng thế gièm pha cảnh mẹ ghẻ con chồng và nhứt là phải chung đụng với cô dâu riêng của chồng, nên bà từ chối.

Trong căn nhà đầy những hình ảnh thân thương, bà Hy vò vò một mình thờ chồng, nuôi con. Ruộng lúa, nương dâu giờ đây bà phải thay chồng chăm sóc. Vừa lên ba tuổi, bé Sắc leo đèo theo mẹ giẫm bàn chân bé nhỏ của mình khắp ruộng đồng. Cậu chập chững mò cua bắt ốc, cười nói vang rân. Đêm khuya thanh vắng bà trần trọc ôm con vào lòng, nhớ đến lời trăng trối của ông Nhậm trước khi mất:

- Này bà, bà về làm bạn với tôi chưa được bao lâu, nay tôi bỏ đi để mẹ con bà bơ vơ. Tôi có lỗi với bà, bà hãy bỏ qua cho tôi. Bà ở lại ráng nuôi con, dù có thế nào đi nữa cũng cho con học chữ để nó biết cái nhân cái nghĩa ở đời.

(1) Ông Nhậm mất ngày 18-5 Giáp Tý (1864).

(2) Nguyễn Sinh Trợ còn có tên là Thuyết, nên dân làng thường gọi anh là Thuyết.



Trong cuộc sống có gì khó khăn bà hãy sang gặp anh Thuyết. Tôi có bảo anh ta rồi. Bà đừng ngại. Dầu sao cũng là mẹ con. Cu Sắc với anh Trợ vẫn là anh em...

Nước mắt ràn rụa bà ôm chặt lấy con, làm bé Sắc thức giấc, nói giọng còn ngái ngủ:

- Rồi, mẹ lại khóc nữa rồi!

Bà vừa ru con ngủ vừa tự hứa với lòng cố làm theo lời của người chồng đã khuất. Nhưng một năm sau bà lại vội vã ra đi theo ông Nhậm. Đêm hôm ấy, bé Sắc gọi mẹ lấy nước uống. Nhưng gọi mãi, mẹ vẫn cứ ngủ như bố trước đây, bé kinh hoàng khóc thét lên:

- Mẹ ơi! Mẹ đừng bỏ con! Đừng bỏ con! Mẹ ơi! Con sợ lắm!

Tiếng kêu khóc của bé Sắc vọng theo tiếng rít của từng cơn gió lan xa nghe náo nức. Bà con chòm xóm, cả anh Trợ cùng chạy đến. Bên xác mẹ, bé Sắc gào thét vật vã:

- Mẹ ơi! Mẹ bỏ đi rồi! Con ở với ai! Mẹ ơi!⁽¹⁾

Bé Sắc lịm luôn trong tiếng nức. Bà con không ai cầm được nước mắt. Anh Trợ ôm em vào lòng nghẹn ngào, lặng yên không thốt được lời nào!

Chôn cất con gái xong, ông Cẩn đưa cháu ngoại về làng Sài. Sống bên ông ngoại, một thời gian chưa đủ để bé Sắc quên được nỗi buồn tủi mất cha mất mẹ thì ông ngoại lại qua đời. Chưa đầy mười tuổi đầu đã chịu những mất mát lớn lao làm cho tâm hồn của bé Sắc trở nên nhạy cảm, sâu sắc.

(1) Bà Hy mất ngày 15 - 2 năm Ất Sửu.

Những ngày đầu trở về ở với anh Trợ, bé Sắc buồn tủi, cảm thấy trống trải và xa lạ... Gia đình anh Trợ không khá giả mấy. Cả nhà đều phải quần quật mới có miếng ăn. Sắc tiếp anh chị không hờ tay. Trong nhà, Sắc trông em, xách nước, quét nhà, thổi cơm... Ngoài đồng thì nhổ cỏ, cắt lúa, bới lạc, chăn trâu. Sắc không có điều kiện học hành và rong chơi cùng bạn bè trang lứa. Dù vậy bé Sắc vẫn tìm thấy thích thú trong công việc nhứt là lúc chăn trâu.

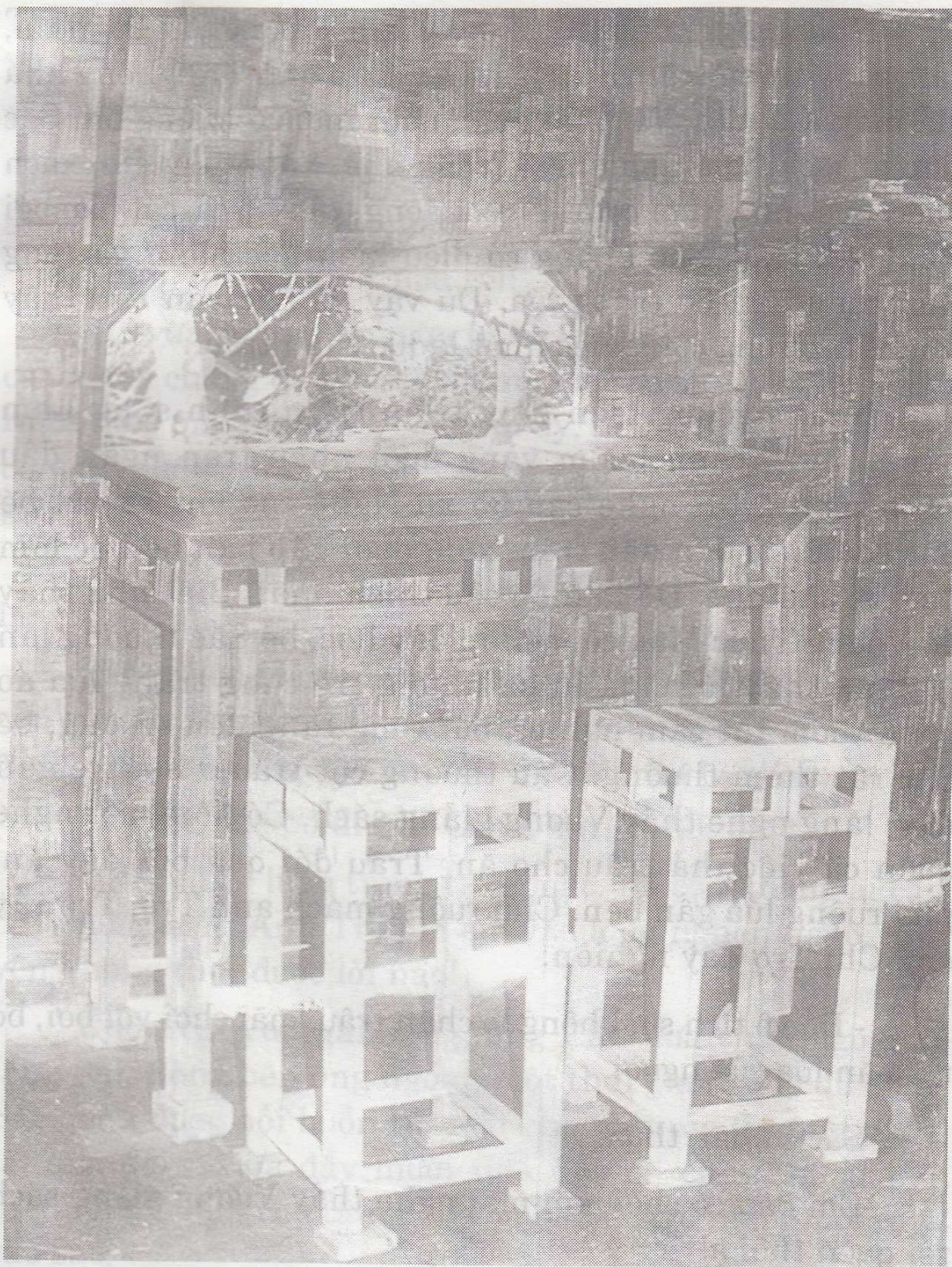
Ngất ngưỡng trên lưng trâu ngắm cảnh sông Lam núi Hồng⁽¹⁾, cảnh bướm vàng đuổi nhau trên ngàn dâu xanh ngất... tai nghe câu hò xứ Nghệ cao vút xa xa, bé Sắc còn được đến đầu trên, xóm dưới gặp bạn bè học lăm được ít chữ nho. Đó là điều cậu thích nhất. Biết nhà thầy đồ Vương Thúc Mậu có mở lớp dạy học, bé Sắc thường lân la đến. Thấy lũ năm, lũ ba những trẻ cùng trang lứa áo quần thơm tất cầm nghiên bút tung tăng đến trường, bé Sắc rất thèm thuồng. Cậu thường cột trâu ở bụi tre gần đấy, lắng nghe thầy Vương giảng sách. Có hôm mãi nghe quên cả việc thả trâu cho ăn. Trâu đói quá bứt dây ăn, phá ruộng lúa gần bên. Chủ ruộng mách anh Trợ, Trợ rầy em. Chị Trợ dạy nhieén:

- Đồ vô tích sự, không lo chăn trâu, mãi chơi với bời, bỏ trâu ăn lúa của người.

Sắc sợ hãi, thưa:

Em đâu có chơi, em mãi nghe thầy Vương giảng sách rồi quên thôi ạ!

(1) Tức Hùng Lĩnh (còn gọi là Đụn Sơn).



*Nơi học tập của cụ Nguyễn Sinh Sắc
thời niên thiếu ở làng Hoàng Trù*

Anh Trợ chưa già, nhưng qua tháng năm làm lưng vất vả, người anh trở nên khắc khổ, khô cằn. Sắc thấy thương anh quá. Dù không đi học, Sắc vẫn chăm chỉ làm việc vất trong nhà và chăn trâu giúp anh.

Hồi ấy, làng Sen và cả xã Chung Cự⁽¹⁾ nghèo lắm. Có thể nói đây là vùng đất đồ khổ nhứt của Nam Đàn. Ruộng đất khô cằn, mới nắng đã hạn, mới mưa đã lụt, mất mùa liên tiếp. Ngoài nghề ruộng, bà con phải chạy những nghề khác: thợ mộc, thợ nề, thợ dệt, đi buôn... mà vẫn không đủ cái ăn, cái mặc, suốt đời phải chịu cảnh:

Làng Sen đóng khổ thay quần

Ít cơm nhiều cháo xoay vần quanh năm.

Tuy nghèo đói, nhưng người làng Kim Liên rất hiếu học. Mọi người đều ý thức được việc học không những để hiểu biết đạo lý làm người, khỏi bị khinh bỉ mà còn kiếm kế sinh nhai bằng nghề dạy học, làm thuốc... Các lớp học được mở ra nhiều nơi. Mặc dù không có người đỗ đạt cao, song đã hình thành một tầng lớp nho sĩ đông đảo. Nhân dân Kim Liên rất tự hào về câu ca dao có từ lâu đời:

Kim Liên cả cánh sen vàng

Chào chàng nho sĩ đến làng Kim Liên.

Sống ở đất văn vật, chốn thi thơ, cậu Sắc rất khao khát cắp sách đến trường.

(1) Xã Chung Cự gồm có 7 làng: Kim Liên, Hoàng Trù, Ngọc Đĩnh, Vân Hội, Cương Ky, Trinh Lý, Khoa Cự. Nay 7 làng được nhập lại thành xã Kim Liên, huyện Nam Đàn.

2 - KHÚC QUANH

- + *Họ Hoàng ở làng Chùa*
- + *Từ con nũôi trở thành con rể*
- + *Con cò lặn lội bờ sông*
- + *Thầy đồ Nghệ*
- + *Gà trống nuôi con*

Cạnh làng Sen là làng Chùa (tên chữ là Hoàng Trù). Trong làng Sen có một ngôi nhà năm gian hai chái⁽¹⁾ xinh xắn núp dưới rặng tre già, dường như được rặng tre ôm ấp tránh các cơn gió bão từ biển Đông. Trong nhà có một gian dùng làm nơi dạy học. Đó là nhà của thầy đồ Hoàng Đường⁽²⁾. Dù không đỗ đạt, nhưng vốn văn hay chữ đẹp lại là con của một nhà nho đã đỗ ba khóa tú tài trường Nghệ, nên thầy Hoàng Đường vẫn được bà con làng Chùa gọi là cụ Tú. Cụ bà cũng là con nhà nho Nguyễn Văn Giáp ở làng Kẽ Sĩa, huyện Hưng Nguyên. Bà sinh ra vào năm cha đỗ tú tài lần thứ hai, nên được gia đình đặt tên là Nguyễn Thị Kép.

Cha và chồng đều mở trường dạy học tại nhà, nên cụ Kép cũng được ít nhiều chữ nghĩa của thánh hiền. Cụ là một người mẹ hiền hòa, cần cù, tháo vát... cùng hai con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An, ngoài việc một nắng hai sương cày cấy mảnh ruộng, còn phải thức khuya dậy sớm se tơ dệt vải để cụ Đường có điều kiện giảng cách,

(1) Hai hồi.

(2) Hoàng Đường thuộc cánh họ Hoàng Xuân.

ngâm thơ, đi đó đây thăm viếng bạn bè. Cụ Đường giao thiệp rộng, nhà không mấy khi vắng khách, lại hay cứu mang giúp đỡ người hoạn nạn, nên dù có thu nhập khá, nhưng gia đình vẫn sống thanh bạch, chan hòa với bà con.

Những cơn gió cuối năm Đinh Sửu làm cụ Đường hơi ớn lạnh. Cụ bước nhanh trên con đường vào nhà thầy Vương Thúc Mậu. Năm nào cũng vậy, mỗi lần về quê ngoại ở làng Sen ăn giỗ, cụ đều tạt vào thăm thầy Vương - bạn cùng lớp trước đây. Bên đường nhìn thấy một chú bé co ro trong manh áo tơi ngồi trên lưng trâu mải mê xem sách, làm cụ liên tưởng đến cảnh Châu Trí học ngày xưa. Qua đàm đạo với thầy Vương, biết được hoàn cảnh của cậu Sắc, cụ cảm thấy thương mến chú bé hiếu học nầy quá. Cụ ước ao có một đứa con trai như vậy.

Sang xuân năm sau, có việc cụ phải đến nhà thầy Vương. Trong khi những đứa trẻ khác khoác áo quần mới, mải mê với các trò chơi Tết, cụ vẫn thấy đứa bé ấy say sưa ngồi học trên lưng trâu dường như không nghe thấy tiếng pháo Tết đi đùng đó đây, làm cụ cảm thấy nao nao trong lòng. Cụ quyết định đến nhà anh Trợ xin nhận Sắc về làm dưỡng tử và sẽ cho ăn học đàn ông. Biết hoàn cảnh mình không thể cho em ăn học nên người như lời cha trần trối và nhứt là tin tưởng ở cụ Đường, nên vợ chồng anh đồng ý.

Ôm gói áo quần và sách vở theo cụ Đường, cậu Sắc cảm thấy bồi hồi, xao xuyến. Chân bước đi, mắt còn ngoảnh lại nhìn mái nhà mình thấp thoáng sau bóng tre. Đường sau làng Chùa tuy không xa, nhưng cậu có linh cảm đây là chuyến đi quyết định cuộc đời mình. Cụ Hoàng

Đường sao mà giống hệt như ông tiên hiện ra trong truyện cổ tích mà cậu thường nghe mẹ kể.

Những bờ ngõ trong khung cảnh mới dần dần tan trong tình thân thương của gia đình cụ Đường dành cho cậu. Để khỏi phụ lòng tin tưởng và yêu thương đùm bọc của gia đình cụ Đường, cậu Sắc dốc sức dồi mài kinh sử. Lòng hiếu học cộng với vốn thông minh sẵn có, chẳng bao lâu tiếng tăm học giỏi của cậu lan khắp vùng. Tài học của Nguyễn Sinh Sắc được đem ra xếp ngang hàng với Nguyễn Đẩu Tài, người được xem là thần đồng của làng Sen lúc bấy giờ. Cả làng Sen và làng Chùa thường truyền nhau câu: “Sắc, Tài ai kém ai đâu” để ca ngợi hai người học giỏi.

Sau hai năm dạy dỗ và chăm sóc, cụ Đường thấy Nguyễn Sinh Sắc tính tình nhân hậu, điềm đạm, chịu khó học tập lại thông minh, hứa hẹn một tương lai tươi sáng trên đường cử nghiệp. Lại xét mình không đủ khả năng để dìu dắt Nguyễn Sinh Sắc đi xa hơn nữa, cụ phải gửi Sắc đến học với một thầy đồ yêu nước, uyên thâm, nổi tiếng. Đó là Nguyễn Thúc Tự ở làng Đông Chũ (nay là xã Nghi Trường), huyện Nghi Lộc, cách làng Chùa trên ba chục cây số. Nguyễn Sinh Sắc như được chấp cánh, lòng mừng khắp khởi, thấy công ơn dưỡng dục của cụ Đường ngày một cao dày, nên cậu quyết chí hơn.

Thấm thoát đã ba năm, kể từ khi Nguyễn Sinh Sắc về làm con nuôi cụ Đường. Nay anh Sắc đã là một thanh niên, ngoài tư chất thông minh còn có đức tính chân thật, siêng năng, giàu tình cảm. Cụ Đường thấy con gái lớn của mình là Hoàng Thị Loan cũng đến tuổi trưởng thành, lại

có cảm tình với chàng trai thông minh tốt nết này. Qua nhiều đêm đắn đo suy tính, cụ quyết định gả Hoàng Thị Loan cho anh Sắc. Cụ Kép rất thương yêu và quý mến người con nuôi của mình, nhưng không đồng ý cuộc hôn nhân này vì một là không “môn đăng hộ đối”, hai là anh Sắc là anh nuôi của Hoàng Thị Loan.

Cụ Nguyễn Văn Giáp là nhà nho có đầu óc tân tiến, không nệ cổ, nên đã ủng hộ ý kiến của con rể và khuyên con gái mình nên thương yêu đùm bọc lấy người có tài đức gặp phải hoàn cảnh éo le⁽¹⁾.

Trong tiết xuân năm Quý Mùi, anh San, anh Quý, anh Trọ cùng bà con trong họ Nguyễn Sinh, khăn áo chỉnh tề, sang làng Chùa dự lễ cưới của anh Sắc với cô Loan. Nhà cụ Đường khách khứa tấp nập. Cô dâu, chú rể chúc tụng hết lời.

Cụ Đường rất tinh ý và tế nhị. Để đôi vợ chồng trẻ có chỗ sinh hoạt riêng và nhứt là để chị Loan khỏi phải bận bịu công việc gia đình cha mẹ, mà chỉ chuyên chú gia đình riêng của mình giúp chồng có điều kiện ăn học, nên trước khi cưới⁽²⁾, cụ cho dựng ngay một túp nhà ba gian nho nhỏ trong vườn nhà dành cho cặp vợ chồng trẻ này.

Chị Loan lớn lên trong gia đình nho học, thừa hưởng những tập tính tốt của mẹ. Chị đã trở thành người vợ đôn hậu, đảm đang.

(1) Theo Trần Minh Siêu - Những người thân nhân trong gia đình Bác Hồ - Ban NCLS Đảng Nghệ Tĩnh 1986.

(2) Tục lệ địa phương Nam Đàn rất kiêng việc đưa con trai về ngủ trong nhà mình.

Nam Đàn là quê hương của hát phường vải - một loại hình sinh hoạt văn nghệ dân gian - có từ lâu đời và vô cùng thú vị. Nhờ những buổi họp mặt hát thi với nhau, nên chị Loan cũng như số bạn bè, mặt chữ không đọc được, nhưng nghĩa lý của chữ chị rất hiểu, rất tinh thông.

Từ khi có gia đình riêng, chị Loan tỏ ra cần kiệm hơn, vừa miệt mài canh cửi, lo ruộng nương để chồng yên tâm đèn sách, vừa gánh vác một phần công việc gia đình cha mẹ. Anh Sắc thấy người vợ trẻ thức khuya, dậy sớm làm lung vắt vả vì mình, nên không lúc nào buông lơì việc học. Có những hôm thức khuya làm bài quá mệt mỏi, muốn đi nằm một chút nhưng trong góc nhà, khung cửi của vợ vẫn lay động đều đều như một ca khúc thôi thúc anh hãy cố gắng sức dôi mài kinh sử, nên anh dùng tay anh nhéo đùi mình một cái rõ đau, cho tỉnh cơn buồn ngủ để tiếp tục học. Nhưng rồi có một lần mệt quá, anh gục xuống và thiếp đi. Khi giật mình thức giấc, thấy người vợ thân yêu vẫn còn khom mình trên khung cửi, anh bèn lên tiếp tục việc học, cảm thấy mình như có lỗi.

Một năm sau ngày cưới, mái nhà nhỏ của anh Sắc thêm nguồn vui mới. Chị Sắc hạ sanh con gái đầu lòng, đặt tên là Nguyễn Thị Thanh. Năm hai mươi một tuổi chị sanh con trai đặt tên là Nguyễn Sinh Khiêm. Rồi hai năm sau (1890) chị hạ sinh con trai thứ đặt tên là Nguyễn Sinh Cung.

Giờ đây, nhà anh Sắc rộn rã niềm vui với tiếng cười tiếng khóc, tiếng bi bô của trẻ. Vợ chồng anh Sắc phải bận rộn nhiều hơn. Anh vừa trúng tuyển kỳ tuyển sinh năm

1890 ở huyện Nam Đàn và được chọn làm thí sinh để dự kỳ thi Hương. Anh vừa phấn khởi, vừa miệt mài ôn tập chuẩn bị cho kỳ thi Hương, khoa Tân Mão. Chị Sắc tất bật hơn trước, lo cho chồng từng miếng ăn và các khoản chi tiêu khác trong nhà, cả việc trông nom con cái. Mỗi sáng trước khi ra đồng chị đã thổi cơm, dọn dồ bé Thanh trông nom hai em đừng để chúng quấy rầy cha, khi nào em khóc thì bế sang bà ngoại, rồi chị yên tâm vác cuốc ra đi. Thấy vợ quá vất vả, anh Sắc cố học và cố đỡ dần cho vợ những công việc nặng nhọc. Cảnh nhà anh không khá giả mấy, nhưng mỗi lần có anh San, anh Quý... sang chơi hay bàn luận văn chương, thế sự, chị đều lo cho các anh có chén trà đượm, chung rượu nồng. Anh càng quý mến và tin yêu vợ.

Thấm thoát đã đến ngày ứng thí, anh Sắc cùng 56 thí sinh của huyện Nam Đàn lều chõng về Vinh. Thí sinh học giỏi nhất làng Sen là Nguyễn Đậu Tài phải bỏ thi về nhà thọ tang cha. Anh Quý đỗ cử nhân, còn anh Sắc chỉ qua được nhị trường, không đủ điểm để vào tam trường.

Trên đường từ Vinh về nhà, anh cảm thấy lòng nặng trĩu. Không phải anh buồn vì thi rớt, mà buồn vì mình đã phụ lòng tin của vợ và nhút là của cụ Đường.

Được chị Loan và cả gia đình cụ Đường khuyến khích, anh lại tiếp tục học tập chờ khoa sau. Không muốn làm phiền nhiều đến cha mẹ, anh tìm nơi dạy học để vừa tự học vừa góp phần giúp đỡ vợ con. Tài sản trong nhà chưa có gì ngoài cái hòm gỗ nhỏ và các thứ đồ dùng do ông bà cụ Đường sắm cho lúc đầu. Cuộc sống gia đình vẫn phải nhờ vào sự trợ giúp của bên vợ. Ba chị em bé Cung lớn lên

trong ngôi nhà tuy nhỏ, đơn sơ nhưng lại tràn đầy thắm thiết tình nghĩa yêu thương của cha em và ông bà ngoại. Tại đây, trên chiếc võng mắc cạnh giường nằm và khung cửi của mẹ, biết bao bài ca, bài vè, điệu hát ru em... mang nặng tình nghĩa nước non, đạo lý làm người, đã đi sâu vào tâm hồn non trẻ của chị em cậu.

Ru con, con ngủ à ơi,

Trông con khôn lớn, nên người khôn ngoan.

Một buổi chiều vào đầu tháng tư, năm Quý Ty⁽¹⁾, cụ Hoàng Đường qua đời trong cơn mưa dầm rúc rắc kéo dài từ mấy ngày trước đó. Sự mất mát này làm cho cả gia đình hết sức đau buồn. Riêng anh Sắc càng bần khoản, hối tiếc hơn. Anh tự trách mình sao chưa đỗ đạt để báo hiếu cho người cha nuôi vừa là thầy học, vừa là cha vợ đã hết lòng cứu mang mình.

Từ những thôi thúc đó, anh càng quyết tâm ôn tập, rèn luyện văn chương để đến khoa Giáp Ngọ (1894), anh đỗ thứ 12 trong hai mươi người đỗ cử nhân của trường Nghệ An.

Hành cung của dinh Tổng đốc An Tĩnh đã được treo đèn kết hoa rực rỡ. Sau lễ xướng danh, các tân khoa tề tựu về đây được Tổng đốc Trần Văn Phác tiếp đón trọng thể. Nguyễn Sinh Sắc cùng các vị khác tiến vào làm lễ bái mạng, sau đó là dự yến tiệc linh đình với những món ngon, vật lạ mà ông chưa bao giờ biết đến. Ông nhớ lại những bữa cơm rau hăm hút ở làng quê. Ông nghĩ mình mới đỗ đạt chưa giúp ích gì cho bà con nhứt là người vợ đáng thương và gia đình cụ Đường đã góp phần để ông đỗ đạt.

(1) 7-4 Quý Ty tức 22-5-1893.

Ông tìm cách lên ra về, trong khi các bạn đồng khoa ở lại hát xướng, ngâm vịnh đến tận khuya.

Ông đến nhà bà con trong gánh họ Hoàng để nghỉ qua đêm. Sáng hôm sau, khi sương khuya còn đọng trên cành cây ngọn cỏ, ông tay ôm bộ áo mao cử nhân, tay xách dù đi bộ về làng. Khi đó, hàng chục đoàn cờ trống, vồng lọng của các xã có người vừa đỗ đạt do quan huyện Nam Đàn cử về Vinh để đón tiếp vị tân khoa của làng mình.

Bà con hay tin ông Sắc đậu cử nhân, kéo nhau đến mừng rất đông. Các bạn đồng khoa của ông đã được làng xã tổ chức tiệc mừng linh đình. Họ hàng hai bên và các chức việc làng cũng bàn bạc tổ chức lễ ăn mừng cho ông đã mang hiển vinh về cho dân, cho xã. Song lấy lý do còn đang chịu tang bố vợ, ông từ chối, chỉ làm lễ bái tạ nhà thờ họ và đem ít trầu rượu đến báo tin vui với làng xã. Còn sào ruộng học điền do xã cấp theo hương ước, ông xin phép dân làng và hội đồng hào lý cho bán đi để lấy tiền góp phần vào sửa chữa lại ngôi nhà thờ họ Nguyễn Sinh hư hỏng đã lâu.

Khi đó, bà Sắc đang nhanh tay cấy xong thửa ruộng trước khi mặt trời đứng bóng. Bỗng thấy bé Thanh vừa chạy lúp xúp trên bờ ruộng chênh vênh vừa hồn hển gọi to:

- Mẹ ơi, mẹ, bố đỗ rồi, bố đỗ rồi! Nhà ta đông khách. Ngoại gọi mẹ về, nhanh lên mẹ ơi!

Bà sững sờ, buông rơi nắm mạ. Nhìn con giây lâu, lòng tràn đầy xúc động, mắt bà đầm lệ. Nhìn thửa ruộng cấy sắp xong, bà bảo con về trước. Đỗ nghề, đỗ cống gì cũng phải có cái để ăn, rồi bà tiếp tục công việc, xong mới

về. Bà hiểu chồng là người khiêm tốn, không thích khoa trương, chắc ông không làm lễ lạt gì to tát. Còn bà gắng sức nuôi chồng ăn học, cũng chưa màng tới cảnh “ngựa anh đi trước, vồng nàng theo sau”.

Ông Sắc không dùng cái học vị cử nhân làm quan hầu no cơm ấm cật, vinh thân phì gia, mà nuôi chí học tập tiếp để thi Hội. Có đỗ đạt ở kỳ thi này, mới có điều kiện làm cái gì đó cho dân cho nước. Không kịp nghỉ ngơi, ông lao vào học tập chuẩn bị cho kỳ thi Hội, khoa Ất Mùi (tháng 5 năm 1895).

Khoa này ông không đỗ. Đường từ kinh đô trở về Vinh xa vời vợi. Cũng sông đó, cũng núi đó, sao lúc đi ông cảm thấy nó tươi mát như bức thủy mặc, giờ đây ảm đạm, buồn thiu. Phải chăng cảnh bát nháo của quan lại và thái độ hách dịch của bọn Tây ở kinh đô đã làm thay đổi nhãn quan của ông? (Hay là tin Nghĩa quân Hương Khê của cụ Phan Đình Phùng đã bị bọn Tây cùng tên phản quốc Nguyễn Thân thẳng tay đàn áp đẫm máu và cụ Phan đã mất làm lòng cụ xao xuyến mà nhìn cảnh vật khác đi chăng). Sau này ông mới biết mình bị đánh hỏng là do bài văn sách của ông đã lồng ý phê phán việc để mất nước vào tay người Pháp.

Ông vẫn không nản lòng. Ông nhờ người quen làm quan trong triều đình xin vào học trường Quốc Tử Giám để chuẩn bị khóa kế tiếp, khoa Mậu Tuất (1898). Ông trình với cụ Kép và bàn với vợ về dự định của mình. Thấy vợ chưa rõ, ông giải bày thêm:

- Cả nước ta chỉ có một trường Quốc Tử Giám ở kinh đô. Trước đây, trường chỉ nhận dạy con cháu của nhà vua

và con cháu các quan cao cấp ở trong triều đình. Kể từ triều Tự Đức, trường nhận thêm một số học sinh có cử nhân đã dự thi Hội trúng một kỳ theo chế độ ngoại trú. Vào trường hợp này học sinh được cấp học bổng, có hai hạng: Hạng một, gồm con cháu vua và các quan, thì mỗi tháng được cấp bốn quan tiền, ba phương gạo, một phương dầu; hạng hai như tôi thì chỉ được cấp mỗi tháng hai quan tiền và hai phương gạo. Nên tôi bàn với nhà và mẹ thế này: bé Thanh ở lại với mẹ. Còn nhà chịu khó cùng vào kinh giúp tôi một phen nữa.

Bà Sắc nhìn hai con trai, nói:

- Bé Khiêm và bé Cung còn nhỏ quá, mà đường xa, ngại các con đi không nổi.

- Rồi cũng nổi thôi. Phải cho các con theo để tôi vừa học vừa kèm cặp cho chúng.

Cụ Kép đang ru bé Cung ngủ, nghe con rể bàn chí phải, bảo con gái nên nghe theo để còn thu xếp lên đường. Cả nhà mỗi người một việc, rộn rịp chuẩn bị cho chuyến đi xa. Bé Cung mới lên năm, tay sờ món này, mó món kia, miệng nói bi bô.

Vào một tháng cuối năm, cả gia đình lên đường trải kinh. Sau khi ngoảnh lại một lần nữa nhìn mẹ già, con gái cùng bà con tiễn đưa thấp thoáng sau rặng cây, bà Sắc hỏi chồng:

- Đường thì xa, lại quanh co hiểm trở và còn nghe có trộm cướp dọc đường, gia đình mình đi cách nào cho tiện đây?

Để trấn an vợ, ông Sắc nói:

- Gia đình chỉ có cách đi bộ thôi, vừa ít tốn kém và ít nguy hiểm. Ta sẽ kết bạn với khách bộ hành để đỡ lo nạn cướp bóc hoặc hổ báo ở những chặng đường vắng.

Cả gia đình ngày đi, đêm nghỉ. Để gieo vào lòng các con tình yêu quê hương, Tổ quốc, ông Sắc thường cho gia đình dừng lại nghỉ chân ở những nơi cảnh đẹp, di tích lịch sử và giảng cho bé Khiêm, bé Cung về vẻ đẹp của thế sông, thế núi, thế đất, về công lao của tổ tiên đã phải chiến đấu gian khổ chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Dù còn nhỏ tuổi, nhứt là bé Cung, những lời chỉ dạy của ông đã tạo nên những ấn tượng khó phai trong tâm hồn non trẻ.

Đi ròng rã một tháng, gia đình đến kinh đô.

Rời quê hương đói nghèo, đến sống chốn đế đô, mọi thứ đều xa lạ với gia đình ông Sắc. Do quen biết nhiều, ông Sắc mượn tạm căn nhà của một trại lính gần Đô Sát Viện làm nơi cư ngụ cho gia đình. Cả nhà bắt tay vào cuộc sống mới. Sau, ông thuê được một gian nhà nhỏ trong thành nội⁽¹⁾.

Hằng tháng, theo định kỳ, ông Sắc phải vào trường Quốc Tử Giám để tập bài và dự các cuộc bình văn. Trường đặt ở xã An Ninh Thượng (thuộc quận Hương Trà), xa kinh đô 7 cây số về phía Tây. Bà Sắc, ngoài công việc nội trợ, chăm sóc chồng con học tập, còn phải làm nghề dệt vải để thêm thu nhập. Trợ cấp loại hai của Trường Quốc Tử Giám không có là bao, nên sau khi thu xếp xong nơi ăn chốn ở, ông Sắc nhận dạy cho con các quan lại trong Hoàng thành. Do bản tánh hòa nhã, thân thiện, dù mới

(1) Nay là số 114, đường Mai Thúc Loan, Huế.

đến ở, gia đình ông Sắc được bà con dân phố dành cho cảm tình nồng hậu. Bà con gọi ông bằng tên rất thân thương “ông cử Nghệ”.

Dù phải thường xuyên đi bộ đến trường Quốc Tử Giám để chuẩn bị cho kỳ thi Hội sắp tới, về nhà còn phải dạy học, giao du với bạn bè, ông vẫn dùng nhiều thì giờ để kèm cặp dạy dỗ con cái. Có hôm sau buổi bình văn ở trường về, đi bộ quá mệt, ông vẫn dạy các con học như thường lệ, còn cố lựa lời giảng giải những tò mò, ngây ngô của hai con. Thấy ông mệt, bà Sắc bảo:

- Các con hãy để bố nghỉ đã. Những điều đó khi lớn lên các con tự khắc biết.

Ông không vừa ý, lên tiếng ngay:

- Khi các con lớn lên tự mình hiểu là việc khác, bây giờ mình giảng giải cho con hiểu những điều chúng thắc mắc là để giải tỏa những khát khao hiểu biết, rất cần thiết cho cuộc sống sau này. Ra kinh đô kỳ này chủ yếu là để tôi thi Hội, nhưng không vì thế mà lơ là giáo dục con cái. Con cái là tương lai của mình. Việc mình làm dở hôm nay, hoặc chưa làm được, con cái sẽ tiếp tục nối bước. Nên phải chăm sóc, giáo dục chúng ngay từ tấm bé. Nhà lo cho chúng cái ăn cái mặc, còn tôi chăm chút bồi dưỡng cái hiểu biết, cái phải trái để chúng thi thố với đời.

- Tôi vẫn biết vậy, nhưng thấy hôm nay ông mệt quá, nên bảo thế thôi.

- Nhà có thấy không, riêng bé Cung dù còn nhỏ, nhưng có nhiều thiên tư, bẩm tính tốt.

Nhìn bé Cung, bà Loan gật đầu mỉm cười...

Thi Hội, khoa Mậu Tuất (1898), ông Sắc lại không đậu.

Ông không được học Trường Quốc Tử Giám nữa, dĩ nhiên là không còn nhận học bổng. Bà Loan thường đau yếu luôn. Cuộc sống gia đình vốn đã thiếu trước hụt sau, giờ càng gieo neo, vất vả hơn. Bà con dân phố, bạn bè hết lòng giúp đỡ, ông Sắc từ chối cũng không được. Thấy vậy, mấy người bạn đang làm quan ở kinh đô khuyên ông nên ra làm quan để gia đình thoát khỏi cảnh túng cùng. Ông lựa lời khước từ và bộc lộ: dù thế nào đi nữa cũng phải cố gắng vượt qua mọi khó khăn để thi đỗ kỳ thi Hội tới, làm mọi người càng cảm động và khâm phục chí kiên nhẫn và quyết tâm của ông.

Một sáng nọ, quan Thượng thư bộ hình Đào Tấn, trước đây là Tổng đốc An Tĩnh, ghé thăm ông cùng với Đinh Viết Chuyên, quan dưới quyền của cụ. Cảm thông hoàn cảnh của ông, sẵn ông Chuyên có người con sắp thi Hương, nên cụ Đào Tấn khuyên ông Chuyên mời ông Sắc về dạy học cho con. Biết ông là người văn hay, chữ giỏi lại có đức độ và có chí nên ông Chuyên mời ông ngay. Nhà ông Chuyên ở Dương Nỗ, xã Phú Dương, huyện Phú Vang, cách kinh thành bảy cây số về phía Đông. Lúc đi, ông mang theo hai cậu con trai vừa để nhẹ gánh cho vợ vừa kèm cặp cho con học. Đến nơi, thấy nhà ông Chuyên khá sang trọng không hợp với hoàn cảnh của ba cha con ông, nên ông Sắc nhận đến ở nhà Nguyễn Sĩ Độ gần bên. Ông Độ giàu, sẵn có ngôi nhà ba gian, hai chái để thờ họ bên ngoài⁽¹⁾. Ba cha con ông Sắc ở gọn trong ngôi nhà này.

(1) Ngôi nhà này do bà Diệu (vợ ông Thi Lang bộ Công Nguyễn Phước Đào) làm ra để cháu ngoại là Nguyễn Sĩ Độ thờ cúng vợ chồng ông Nguyễn Phước Đạo.

Gia đình ông Độ nhận phần nuôi cơm cả ba cha con ông thầy. Những học trò khác thì góp tiền hàng tháng giúp thầy, tùy tâm mỗi người. Học trò gồm ba người con ông Độ, một số ở tại Dương Nổ và một số học trò cũ ở thành nội trước kia cũng theo ông về đây học.

Ông vừa dạy học, vừa ôn tập chuẩn bị cho khoa thi Hội năm Tân Sửu (1901). Thỉnh thoảng ông về trường Quốc Tử Giám để dự thính các buổi bình văn định kỳ, nhân tiện ghé qua thăm nhà. Lúc nào ông Sắc cũng chú ý tới việc dạy dỗ các con; ông lấy cuộc sống của bản thân mình dạy các con đức tính kiên trì, chịu khó học tập. Hằng ngày, ngoài giờ dạy chánh thức, ban đêm ông Sắc còn hướng dẫn thêm ba người con ông Độ và hai con mình. Ngoài chữ nghĩa, ông thường dạy các con điều nhân nghĩa, nổi vinh nhục, lễ chánh tà... ở đời.

Lúc nhàn tản, ông hay đi lại thăm viếng bà con quanh vùng và để lại trong lòng mọi người hình ảnh đẹp của ông đồ xứ Nghệ.

Dù chỉ là cử nhân trơ, nhưng ông Sắc có tiếng là hay chữ lại thêm có đức độ, nên ông được cử làm đề lại (thư ký)⁽¹⁾ trong kỳ thi Hương, khoa Canh Tý (1900), tại trường thi Thanh Hóa. Buổi tan đường coi thi, ông định để bé Khiêm lại chăm sóc vợ, nhưng bà Loan ngăn:

- Ông nên đem con theo để có bạn nơi xứ lạ quê người và để hầu tráp. Còn tôi hồi này thấy cũng khỏe, nếu có bề chi thì đã có bà con dân phố trợ giúp. Nhờ cái đức của ông nên bà con rất mến tôi.

(1) Phó Chủ khảo trường thi Thanh Hóa là tiến sĩ Trần Đình Phong cử ông làm đề lại (thư ký).

Công việc trường thi kéo dài suốt cả tháng mới xong. Trên đường về Huế, ông Sắc ghé qua Kim Liên thăm mẹ vợ và con gái. Đón tết Tân Sửu xong, nghe tin vợ mất⁽¹⁾ sau khi sanh người con trai thứ tư ít lâu. Ông để bé Khiêm ở lại với ông bà ngoại rồi một mình vội vàng về kinh đô, lòng nóng như lửa đốt.

Ông vào đến hoàng thành lúc chập tối. Cửa nhà chỉ khép hờ, ông xô cửa bước vào. Dây khăn tang trắng ẩn hiện dưới ánh đèn leo lét trong căn nhà hoang vắng làm ông cảm thấy trời đất quay cuồng. Ông chồm tới ôm lấy cái đồng nằm lù lù trên giường như sợ nó biến đi. Bé Cung đang thiếp đi trong mê man ôm ấp đứa em, bỗng choàng thức dậy ôm lấy ông nức nở, thều thào:

- Bố đã về. Bố ơi! Mẹ mất rồi...

Ông sờ soạn khắp người bé Cung, thấy con sốt quá cao. Như cái máy, ông mở tung tay nải lấy một hoàn thuốc mà lúc nào cũng mang bên người cho con uống.

Có một người đẩy cửa đi vào, lên tiếng:

- Ai đấy, à ông Cử đã về!

- Vâng ạ, chào bác.

(1) Công văn số 711 của mật thám Pháp ngày 7-5-1922 ghi lời khai bà Nguyễn Thị Thanh (con gái cụ Phó Bảng) như sau:

"Vào kỳ đi chấm thi sau (qua đối chiếu xác minh, thì đây là kỳ thi Hương ở Thanh Hóa năm 1900 - Tg) nhân qua Vĩnh; ông (tức cụ Nguyễn Sinh Huy) đã tranh thủ về quê Kim Liên xây mộ cho ông bà nội. Ông ở lại quê nhà được ba tháng, thì được tin vợ mất ở Huế ngày 19 tháng chạp năm Thành Thái thứ 12 (ngày 7-2-1901). Ông lập tức quay trở lại Huế với hai con trai đang ở đó với mẹ (tức là Nguyễn Sinh Cung và Nguyễn Sinh Xin mới sanh, vì Nguyễn Sinh Khiêm theo bố đi Thanh Hóa - Tg)".

Trong khi đó những người trong họ Nguyễn Sinh ở Kim Liên cho biết đã từ lâu, vẫn cúng giỗ cụ Loan vào ngày 22 tháng chạp. Đây là vấn đề cần tìm hiểu thêm (Nguyễn Huy Hoan - Tạp chí lịch sử Đảng số 2-1989).

- Bà Cử đi trước một ngày đưa ông Táo về trời. Ông yên tâm, dù ông không có ở nhà nhưng bà con đã lo chu tất cho bà.

- Tôi chịu ơn bà con và bác nhiều quá. Xin hỏi hiện giờ nhà tôi nằm ở đâu?

- Chúng tôi đưa bà qua cổng Thanh Long, ra khỏi thành nội vượt sông Hương, rồi táng bà ở chân núi Tam Tầng thuộc dãy núi Ngự.

Những người mình chịu ơn mà chưa mảy may đền đáp đều đã lần lượt ra đi, làm ông Sắc cảm thấy hết sức ân hận. Vợ vừa mất, trong nhà tiền hết, gạo cũng không, con lại đau yếu. Nỗi buồn của gia đình càng thêm da diết, còn nỗi bất hạnh nào hơn nữa chẳng?

Bà con chung quanh cùng bạn bè xa gần, mỗi người một tay, giúp ông Sắc qua cơn túng khó. Không thể sống cảnh gà trống nuôi con ở xứ lạ quê người, sau đó ít lâu, khi bé Cung đã khỏe, ông thu xếp về Hoàng Trù. Không có bà Loan, bé Cung mới mười tuổi đầu đã trở thành người trợ thủ quan trọng trong chuyến đi dài, lúc phụ ông Sắc bồng em, lúc quảy hành lý... em bé Xin, cái tên được đặt để nhớ mỗi ngày em được bé Cung bồng đi xin sữa bú. Vì thiếu sữa, thiếu mẹ, lại bị cảm nặng trên đường đi nên về đến quê nhà ít lâu thì bé Xin mất.

Bà con Hoàng Trù, Kim Liên vô cùng sửng sốt và đau xót trước tai biến xảy ra dồn dập cho gia đình ông. Ông Sắc trở nên trầm ngâm ít nói..., Cảnh nước, cảnh nhà u ám, xót đau!

oOo

3. ÔNG PHÓ BẢNG

+ *Đỗ đạt*

+ *Lễ vinh qui bái tổ*

+ *Ông thầy Đồ*

+ *Chu du tìm bạn đồng chí*

+ *Người đồng chí nhỏ*

Tại một ngôi nhà nhỏ khá rộng ở làng Đan Nhiệm bên bờ sông Lam. Phía ngoài là lớp học, hơn mười học trò đang bình thơ. Phía trong có năm người đang thì thầm bàn bạc. Đó là nhà của Giải San. Sau khi đỗ cử nhân (1900). Ông San không ra làm quan⁽¹⁾, mà bắt tay vào cuộc vận động chống Pháp. Ông cùng Vương Thúc Quý, Phan Bá Ngọc, Trần Hải ở Nghi Xuân và vài mươi đồng chí định đánh úp thành Nghệ vào ngày Quốc Khánh Pháp (14 - 7) năm Tân Sửu, nhưng vì nội ứng sai hẹn, nên phải đình chỉ⁽²⁾.

Giải San nghĩ cơ mưu có thể bị tiết lộ vì mấy ngày gần đây mật thám Nguyễn Diêm lòng sục rất dữ⁽³⁾. Ông cho hội bộ tham mưu lại bàn bạc tìm cách đối phó và định nhờ Tổng đốc An Tĩnh là Đào Tấn che chở.

(1) Trong thực tế thì sau khi đỗ Giải Nguyên khoa Canh Tý (1900) cụ Phan Bội Châu có dự thi hội khoa Tân Sửu (1901) cùng khoa với cụ Nguyễn Sinh Huy, nhưng không đỗ, sau đó cụ Phan có vào học trường Quốc tử Giám một lúc.

(2) Phan Bội Châu niên biểu - nhóm NCSD Sài Gòn 1973, Trang 26.

(3) Nguyễn Diêm, người làng Dương Liễu, đỗ cử nhân có tham dự vào âm mưu đánh úp thành Nghệ, sau đó phản bội, mật báo với Pháp.

Đang bàn bạc, bỗng mọi người nghe tiếng mõ báo tin chuẩn bị đón tiếp vị tân khoa Phó Bảng vinh qui bái tổ về làng Kim Liên, kết thúc cuộc họp, Giải San lên tiếng:

- Cái anh Sắc này kiên gan thật, gia cảnh như thế mà anh ấy quyết tâm theo đuổi hội thi. Người đời chẳng có mấy ai!

Phan Bá Ngọc nói ngay:

- Nghe nói kể từ khoa Tân Sửu (1901), người đỗ Phó Bảng được hưởng các đặc ân bằng tiến sĩ là được vua ban cờ, biển và hưởng lễ vinh qui bái tổ, chỉ thiếu dự cỗ yến do vua ban thôi. Đó là cái ước mơ tột đỉnh của bọn nho sĩ. Thế là nay mai làng Sen lần đầu tiên được ngắm cảnh “Ngựa anh đi trước vồng nàng theo sau”.

Vương Thúc Quý nhìn ra đường nói xa xôi:

- Tôi nghĩ anh Sắc không đời nào nằm trên cang, trên kiệu để bà con khiêng đâu.

Giải San vừa đứng lên vừa nói:

Thôi ta nghỉ, để còn chuẩn bị đón tiếp quan Phó Bảng.

Vương Thúc Quý hỏi:

- Ý anh Sắc như thế nào về việc ta làm?

- Anh ấy thâm trầm kín đáo lắm. Tôi có bàn việc này với anh, nhưng anh không phản đối cũng không tán thành mà chỉ nói: Đó là việc phải làm, nếu các anh thấy ắt thành công thì tiến hành.

oOo

Lễ xướng danh xong, ông Sắc được vua Thành Thái cấp phương tiện đưa về Vinh, thủ phủ của An Tĩnh. Sau khi ra mắt Tổng đốc An Tĩnh đương kim là Đào Tấn, ông dự lễ tiếp đón chung do quan Tổng đốc tổ chức. Lấy cớ đi thăm vài người bạn thân ở tỉnh lỵ, ông đi bộ về quê để khỏi phải nhận lễ vinh qui bái tổ.

Đến cầu Mượu (cầu Hữu Biệt), còn cách Kim Liên độ bốn cây số, ông gặp đoàn dân xã Chung Cự mang võng, lộng, cờ, trống theo lệnh của Tổng đốc kéo về Vinh để đón ông. Gặp ông giữa đường, bà con mừng rỡ nổi trống, trương lộng, tung cờ, căng võng mời ông lên nằm để bà con dân làng rước lễ vinh qui.

Ông từ chối, nói rằng:

- Tôi đâu chẳng có ích chi cho bà con làng xóm mà bà con phải đón rước⁽¹⁾.

Một cụ già bước ra thưa:

- Làng ta từ xưa đến nay chỉ có quan đậu đại khoa làm vẻ vang cho làng xóm, xin được rước lễ vinh qui cho thỏa lòng mong ước bấy lâu nay.

Ông Sắc một mực từ chối, khiến mọi người phải lặng trống, cuốn cờ, xếp võng cùng ông đi bộ về làng, vừa đi vừa chuyện trò thân mật. Văng vẳng xa xa vang lên tiếng trống của hai xã Xuân Hồ và Dương Liễu rước lễ vinh qui của hai người đậu đồng khoa với ông là Nguyễn Đình Diễm và Nguyễn Xuân Thưởng.

(1) Theo Trần Minh Siêu - Sdd.

Theo tục lệ, ông Sắc phải về vinh qui tại làng Sen. Bà con và chức việc làng đã xuất quỹ mua cho ông một ngôi nhà cũ năm gian dựng trên một miếng đất công rộng 4 sào 14 thước. Anh Trợ trích tài sản của cha mẹ để lại dựng cho ông ba gian nhà nhỏ. Làng cũng cấp cho ông một mẫu chín sào ruộng: Và trích quỹ nghĩa thưởng hai trăm quan để ông làm tiệc ăn mừng. Ông Sắc hết sức áy náy trước nghĩa tình của bà con, nên lên tiếng:

- Thưa các vị trong hội đồng kỳ mục, thưa bà con cùng các hiền hữu. Tôi vô cùng cảm tạ tấm chân tình của bà con, nhưng cũng hết sức ngượng ngùng trước những đặc ân mà bà con ban phát. Tôi đồ đạc chớ giúp gì cho ai đâu mà bà con mất một buổi làm và một số bà con mất ruộng mất vườn. Thôi thì “đất lề quê thói”, tôi chỉ xin nhận nhà với ruộng và vườn. Còn về bữa tiệc ăn khao thì bà con cho tôi xin vì hiện nay tôi đang để tang vợ, tôi chỉ xin mười đồng để mua trâu thuốc thết bà con dân làng. Còn lại bao nhiêu xin nhờ các vị trong hội đồng kỳ mục đem chia cho bà con nghèo khổ trong làng làm vốn sinh sống...

Mọi người đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, sững sốt nhìn ông Sắc. Thấy vậy, ông Giải San lên tiếng:

- Quan Phó Bạng đã hết lòng biện giải như vậy, xin ông tiên chỉ và bà con nên thuận theo. Gia cảnh của quan Phó Bạng như thế nào bà con ta ở đây đều rõ, nhưng ông quyết chí vượt qua tất cả để ngày nay thành đạt. Đồ đạc rồi chưa chắc ông làm quan để vinh thân phì gia. Ông vẫn là người của làng Sen, người con của sông Lam, núi Hồng.

Có điều tôi nghĩ là quan Phó Bảng chắc hài lòng là bà con lấy những đức tính cao đẹp của ông để răn dạy con cháu ở đời sao cho xứng đáng.

- Quan Giải nguyên khen quá lời. Ông Sắc lúng túng chống chế.

Cử nhân Vương Thúc Quý xin phép được thay mặt dân làng Kim Liên đọc văn trướng mừng ông Sắc đỗ đại khoa. Nghe qua, bà con trầm trồ, nhắc mãi hai đoạn:

...

“Này, Hiền thai: Từ Phú Xuân quay ra Bắc, mong vợ con lại trở vào Nam. Nhà chốn Ngự Bình; thân nơi trường Giám. Ôm củi Hứa Hành Tử; rau cháo Phạm Yên Công. Tâm chí lớn lao, sự nghiệp đẹp tốt. Cho nên lời văn chương kêu như tiếng vàng gieo rơi xuống đất. Mà cảnh gia đình đúng là vẻ ngọc mài giữa tự trời. Cảnh sơ viên vừa thấy chột tỉnh giấc mơ đêm, tình trung niên đã cảm nổi đứt dây đàn sắt. Nặng tình hoài bão; mỗi gót bôn tri”.

... “Đất Nhị Giáp, người xưa truyền thống, bảng tam trường nghiệp trước sáng ngời. Lòng người hả về thế vận văn chương, thế nên mừng, mà phải mừng đó! tôn công tiến tới triều đình hương đảng, sẽ ở đây, tất cả ở đây chăng?

Mừng khi áo gấm về làng,

Trướng văn kính tặng mấy dòng nô nức⁽¹⁾”.

oOo

(1) Theo tư liệu lưu trữ tại khu di tích Kim Liên - Nghệ Tĩnh .

Trước lúc về Kim Liên, ông Sắc ở lại Hoàng Trù thay vợ chăm sóc tuổi già của mẹ vợ, cùng các con cuốc đất trồng tía trên mảnh ruộng, miếng vườn nhà để có cái ăn như bà con trong làng.

Đến tháng tám, ngôi nhà năm gian dành cho ông Phó Bảng đã được bà con ở Kim Liên xây dựng xong. Ông Sắc dọn về cùng hai con trai, để người con gái lớn là cô Thanh làm lụng nuôi dưỡng chăm sóc bà ngoại. Cứ vài ngày ông Sắc lại sang bảo ban con gái về việc làm ăn và phụng dưỡng cụ Kép.

Bà con làng Sen lấy làm tự hào làng mình là “đất văn vật, chốn thi thơ” nay có ông Sắc đỗ đại khoa, bên cạnh cử nhân Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương cùng với Giải San tức Phan Bội Châu ở Đan Nhiệm thành “Nam Đàn tứ hổ” và đã được bà con ca tụng:

Uyên bác bất như San

Tài hoa bất như Quý

Cường ký bất như Lương

Thông minh bất như Sắc⁽¹⁾

Sau bao năm vật lộn chốn trường thi, nay đã thành đạt, dù được một ít bổng lộc do làng nước ban cho, nhưng gia đình ông Sắc vẫn sống chan hòa, thanh đạm gần gũi với bà con. Buổi sáng cả nhà nhịn ăn như mọi nhà khác. Những khi thiếu thốn, ông và bà con vay mượn qua lại.

(1) Không ai hiểu rộng bằng Phan Văn San (Phan Bội Châu).
Không ai tài hoa như Vương Thúc Quý
Không ai nhớ giỏi như Trần Văn Lương
Không ai thông minh như Nguyễn Sinh Sắc.

Một buổi sáng, sau khi về Kim Liên ít lâu, ba cha con ông đang cuốc đất làm vườn, bỗng có khách đến chơi, ông Sắc ngừng tay chào khách và vui miệng bảo hai con:

“Khơm - Công”⁽¹⁾ nghỉ đã!

Khách cũng vui lây hỏi:

- Nhà quan mà lại “Không cơm” sao?

Chủ khách cười xòa, dắt nhau vào nhà đàm đạo.

Khách thấy ở cây xà nhà có viết câu chữ “Vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng” liền hỏi:

- Cớ làm sao mà quan Bác viết ra câu này?

- Câu này có nghĩa “đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình”. Tôi không muốn con tôi ỷ vào nhà Phó Bảng mà làm mất cái phong cách cố hữu của mình.

Thế các cậu ấm vẫn học với quan Bác tại nhà?

- À, không, tôi cho chúng nó học với cử Quý.

- Quan bác dạy con rất lạ, tôi khâm đấy. Tiếc là tôi không có con trai nhờ bác dạy ắt là phải thành đạt thôi.

oOo

Năm sau, theo lệnh triều đình, ông Sắc trở vào kinh chờ bổ nhiệm. Nhưng không lâu, ông cáo bệnh để xin về quê⁽²⁾.

Phong trào Cần Vương, Văn Thân lần lượt tan rã. Viên cảnh đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập ngày

(1) Cũng vào thời điểm này (1901) ông Sắc đã đổi tên các con Nguyễn Sinh Khiêm thành Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Thành để vào sổ bộ của làng. Tài liệu của khu di tích Kim Liên.

(2) Theo tờ trình của Bộ Lại ngày 15 tháng 4 nhuận năm Thành Thái thứ 18 (tức ngày 6-6-1906).

một mờ mịt, làm ông Sắc thêm ưu tư ray rứt. Trước khi đi ra Yên Thế liền kết với nghĩa quân Đề Thám, ông Phan Bội Châu nhiều lần bàn luận thế sự với ông. Nay ông Phan Bội Châu trở về hợp cùng các đồng chí của mình bàn kế hoạch phối hợp hành động kháng chiến với Hoàng Hoa Thám. Ông Vương Thúc Quý cũng ngừng dạy học lên đường tìm bạn cứu nước.

Nghe tiếng ông là người đỗ đại khoa, học vấn uyên bác, văn hay chữ tốt, đạo đức trong sáng, có lòng thương người, rất quan tâm đến vận mạng nước nhà, nên bà con ở xã Võ Liệt (Thanh Chương) cử ông Nguyễn Thế Vân (tức Đồ Cầm) đến tận Làng Sen mời ông lên dạy học.

Võ Liệt nằm ở hữu ngạn sông Lam, sau lưng là núi rừng Trường Sơn trùng điệp tiếp giáp với nước Lào. Đây là một xã có truyền thống yêu nước lâu đời, là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Phan Đình Phùng, quê hương của Trần Tấn, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất của Văn Thân An Tĩnh, nay khí thế vẫn còn:

Dập dìu trống đánh cờ bay,

Trận này quyết đánh cả Tây lẫn Triều

Ông Sắc đến Võ Liệt với hai cậu con trai. Cậu Khiêm được gởi trọ tại nhà một thân sĩ ở bên tả ngạn sông Lam, còn cậu Cung ở nhà ông Đồ Cầm cạnh nơi ông Sắc dạy học. Ngoài thì giờ dạy học, ông Sắc còn đi đó đây tìm các danh sĩ để bàn việc nước và tham gia nhóm bình đọc “Tân thư” của xã Võ Liệt. Trong những buổi bình đọc tân thư, ông Sắc đều cho cậu Cung theo hầu trà tiếp khách.

Nhân một nho sĩ vừa mới đậu tú tài, ông làm câu đối mừng, qua đó để nói lên suy nghĩ của mình và khuyên nhủ mọi người.

Thư đăng túc liệu tam sinh chí

Hồ hải ưng bằng vạn lý tâm.

Nghĩa là:

Sách đèn đã đủ chí ba sinh,

Hồ hải nên theo lòng muôn dặm⁽¹⁾.

Ông thường khuyên học trò đã đi học thì phải học thật chăm. Học để hiểu đạo lý làm người, chứ không phải học để đi thi. Nếu thi đỗ cũng không nên làm quan, vì làm quan là áp bức, cướp bóc của dân. Ông không coi việc học trò đỗ đạt làm quan là niềm vinh hiển của thầy giáo.

Sau một thời gian dạy học, ông để lại trong tâm khảm bà con Võ Liệt hình ảnh một ông thầy thanh đạm, độc đáo hiếm có⁽²⁾.

oOo

Hồi này, ông Phan Chu Trinh, bạn Phó bảng đồng khoa với ông Sắc sau một năm cư tang anh, đã ra nhận chức Thừa biện bộ lễ. dịp này, ông tiếp xúc với tân thư và chứng kiến cảnh thối nát của triều đình nhà Nguyễn nên ông từ chức (1904) rồi cùng hai ông Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp lên đường “Nam du”⁽³⁾ vận động Duy Tân chống Pháp. Còn ông Phan Bội Châu viện cớ xin vào học trường Quốc Tử Giám, dâng sách “Lưu cầu huyết lệ tâm thư” để tìm bạn đồng chí làm chấn động quan trường. Rồi

(1) Ban NCLS Đảng Nghệ Tĩnh - Sdd.

(2) Sau này khi được tin ông mất ở Nam bộ, học trò ở đây có làm câu đối viếng thầy trong đó có một vế như sau: “Nhớ thầy xưa thiếu niên cơ khổ, học hành tài giỏi, đậu Hương, đậu Hội; nhà chẳng có quan chẳng làm nuôi con trưởng thành một gái hai trai”.

(3) Đi vào Nam kỳ lục tỉnh.

theo lời khuyên của cụ Tiểu La Nguyễn Thành cũng lên đường “Nam du” vận động Đông du.

Ông Sắc có suy nghĩ riêng của mình. Sau khi an táng cụ Nguyễn Thị Kép xong⁽¹⁾, ông không dạy học nữa, gởi hai con trai đến học với thầy Trần Thân ở làng Ngọc Đình để lên đường tìm gặp các nhân sĩ yêu nước. Nhưng chưa được một tháng, thầy Trần Thân trả cậu Cung về cho ông vì thầy một mực trung thành với lễ nghĩa phong kiến, những điều răn dạy của nho giáo, thầy lấy làm khó chịu khi học trò hỏi những điều ngoài sách vở. Điều này không phù hợp với cậu Cung, một học trò thích học hỏi những cái mới mẻ. Nên cậu Cung được đi theo cha suốt một chặng đường dài.

Trước tiên, hai cha con ông đến làng Đông Thái, quê hương cụ Phan Đình Phùng, đến làng Trung Lễ, quê hương của Lê Ninh. Rồi đến làng Trung Cần, quê hương của Thám hoa Nguyễn Đức Giao, lên núi Thiên Nhãn, Nguyễn Trãi xây từ năm 1424 chống quân xâm lược nhà Minh, lên đỉnh Bùi Phong thăm miếu thờ La Sơn Phu Tử, một nhà nho nổi tiếng thời Tây Sơn. Rồi ông đến Diên Châu thăm ông Võ Tất Đắc, một tri huyện ở Thanh Hóa đã cáo quan về ở làng Vạn Phần (nay là xã Diên Vạn), thăm ông Võ Khang Tế ở làng Hậu Luật (nay là Diên Bình) trước là Tán Tương Quân Vụ trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp của cụ nghệ Nguyễn Xuân Ôn. Lên xã Tràng Sơn (Yên Thành) thăm con cháu ông Lê Doãn Nhã, một lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp. Rồi ra đến tận Kiến Xương (Thái Bình) đàm luận thời cuộc với các sĩ phu đất

(1) Cụ Kép qua đời vào ngày 6-4-1904 tức 28 tháng 2 năm Giáp Thìn.

Bác trong đó có Nguyễn Quang Đoàn con cụ Nguyễn Quang Bích, một lãnh tụ chống Pháp nổi tiếng⁽¹⁾.

Nơi ông đến là những nơi còn lưu lại vết tích của những thời kỳ đấu tranh chống ngoại xâm. Những người ông gặp đều có chí cứu nước, có kinh nghiệm chống ngoại xâm. Vấn đề chủ yếu mà ông đem ra bàn bạc với các nhà yêu nước là tại sao những cuộc kháng chiến của Nguyễn Xuân Ôn, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật rất sôi nổi oanh liệt, nhưng rồi lần lượt đều thất bại, làm thế nào để đánh đuổi Pháp thắng lợi? Các ông còn bàn bạc phê phán lối học đương thời là “Chi điệp chi văn” không ích lợi chi cho việc cứu nước, an dân.

Do tư chất thông minh, hiếu học, lại được cha đặc biệt chăm sóc giáo dục, thường xuyên kể cận bên cha, nên mọi lời nói, hành động hàng ngày của ông Sắc đều có ấn tượng và tác động sâu sắc đối với cậu Cung. Trong những buổi theo cha bàn việc nước, mặc dù cậu bận việc dâng trà hầu đóm, nhưng cậu vẫn nghe được những điều các cụ nói, điều các cụ bàn, việc mà các cụ ưu tư lo lắng. Có lần cậu nghe được mấy từ “tự do, bình đẳng và bác ái”⁽²⁾ cậu không hiểu được. Cậu định hỏi ngay các cụ, nhưng e vô lễ, đành thôi.

Khi tan cuộc ra về, cậu mới hỏi cha.

Nghe con hỏi, ông Sắc vừa mừng lại vừa buồn. Mừng vì con mới gần ấy tuổi mà đã quan tâm việc người lớn đang trần trọc lo toan, buồn vì ông chưa đủ hiểu biết để trả lời cho con. Cụ đáp:

(1) Những mẩu chuyện thời niên thiếu của Bác Hồ - Sdd.

(2) Tạp chí “Ngọn lửa nhỏ” LX số 39 ngày 23-12-1923.

- Điều mà con muốn biết, chính bọn cha cũng đang muốn biết. Cái lối học “tâm chương trích cú” đã làm cho dân mình ngu si, đình đốn, không theo kịp với đà tiến phát của hoàn vũ. Những từ mà con vừa nói đó là ba cái đích lớn của cuộc cách mạng Pháp, đã được các sĩ phu Trung Quốc là ông Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi dịch ra tiếng Hán để làm kim chỉ nam cho cách mạng nước họ rồi du nhập sang nước ta được gọi là: “tân thư” - hiện là sách cấm, nhưng nội dung còn thô thiển đơn sơ lắm.

Cậu Cung bực bạch: Con chưa hiểu tự do, bình đẳng bác ái là gì, nhưng những thứ ấy chắc chắn ở nước ta chưa có. Con muốn hiểu tường tận ba từ ấy.

Ông Sắc nhìn con, không ngờ con mình đã khôn trước tuổi. Còn bé mà như thế, lớn lên chắc phải đi xa hơn thế hệ của ông nhiều.

Cùng quan tâm đến thời cuộc, ông càng chăm sóc, giáo dục con tường tận hơn. Có những khi biện giải những thắc mắc của con, ông có cảm giác không phải là giảng giải cho một cậu bé mà là đang đàm đạo với người đồng chí.

Điều mà ông quan tâm nhất là vận mạng đất nước, sự tồn vong của dân tộc. Nhưng chống Pháp bằng con đường nào thì ông chưa tìm ra được. Tuy vậy, ông cảm thấy rằng con đường mà các sĩ phu đang theo đuổi khó có thể thành công, kể cả hai đường mới vừa do hai bạn ông là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng. Nhiều đêm ông bàn bạc, luận giải cho con nghe về việc này.

Sau nửa năm sang Nhật vận động cho công cuộc “Đông Du cầu học” tháng 7 năm 1905, ông Phan Bội Châu về nước tìm thanh thiếu niên ưu tú đưa sang Nhật. Ông

cho người đến vận động cậu Cung, lúc bấy giờ mới mười lăm tuổi. Nhưng cậu từ chối.

Ông Sắc rất trân trọng chí hướng và nhiệt tình cứu nước của người bạn chí thân, nên tuy không tham gia phong trào Đông Du, ông cũng không bài bác. Tâm sự này ông chỉ kín đáo bộc lộ trong câu đối tặng người bạn là Nguyễn Tài Tồn, con trai của tiến sĩ Nguyễn Tài Tuyển ở xã Đại Định (nay là Thanh Văn) huyện Thanh Chương, khi Tồn đỗ cử nhân năm Bính Ngọ (1906).

“Ngô bối do hòe vi cực viện tiến thân hiện tại chỉ khán
đàm Giáp Ất.

“Tiên công dĩ đại bút hùng văn minh thế tái sanh tầng
phủ chí canh tân”.

Nghĩa là:

“Bọn ta từ chốn trường thi mà làm nên danh vọng, thế
nhưng bây giờ đây chỉ ngồi bàn thứ tự cao thấp mà thôi.

“Các bạn đời trước lấy bút mạnh văn hùng để thức tỉnh
đời, ví bằng có sống lại cũng khó mà làm nổi việc canh tân”.

oOo

4. LÀM QUAN

+ *Chốn quan trường*

+ *“Thiên đường trường học”*

+ *Huế với những ngày sôi động*

+ *Ông Tri Huyện*

Con đường số 7 sang Lào để khai thác tài nguyên của vùng Bắc Trung bộ Việt Nam và Trung Lào được chánh quyền thực dân Pháp bắt tay xây dựng từ lâu, nhưng đoạn từ cửa Rào đến Trấn Ninh do địa thế núi non hiểm trở nên làm chưa xong. Công sứ Nghệ An được lệnh gấp rút phải hoàn thành, nên y ra lệnh cho huyện, xã phải huy động dân phu.

Để lấy lòng cấp trên, bọn tổng lý ra sức thúc bách bắt bớ mọi người phải đi phu không kể già yếu bệnh tật. Hàng ngày vang vang tiếng trống, tiếng mõ giục phu hòa lẫn tiếng kêu than của dân làng:

...

Bắt kẻ giữa ruộng cày

Người không cho sấm sửa

Chông trốn bắt vợ

Con yếu cha đi

Tiếng khóc như ri

Ruộng cày bỏ dở

.....

Ông quan áp trước

Cậu lính áp sau

Gậy đánh càng đau

Thân phu dài coi rẻ

*Áo mặc lụa dẻ
Nón đội còn mê
Mãn hạn ra về
Lụa hai tròng con mắt⁽¹⁾*

Mãn hạn về cũng chưa yên thân. Ngoài thuế ruộng, thuế thân, chánh quyền thực dân còn đặt ra bao nhiêu thứ thuế phi lý khác để vơ vét. Bà con ta làm ra cái gì và cần dùng món gì cho cuộc sống đều phải nộp thuế. Người nào không may mắn, thiếu thuế thì:

*Bắt con thơ ra kẹp
Bắt ông già ra kẹp
Lục hết buồng, hết bếp
Thu hết thùng, hết bò
Người không trâu, không bò
Cái liềm tranh cũng lật
Cái rạ cùn cũng lật⁽²⁾*

Trong lúc đó, ông Sắc được lệnh của triều đình phải ra làm quan. Trước đây ông còn viện cố cư tang mẹ vợ để từ chối. Nay thời kỳ cư tang đã hết, ông đành phải đi.

Cảm thông với nỗi thống khổ của bà con nên trước khi lên đường, ông chỉ để lại một ít ruộng cho cô Thanh cày cấy sinh sống, còn bao nhiêu bán hết lấy tiền chia cho những gia đình trong làng thiếu thuế hoặc có người đi phu. Ông không giữ lại phần nào cho ông cả.

Được tin ông sắp lên đường về kinh làm quan, bà con đến đưa tiễn và đặt nhiều niềm tin vào ông. Có người bà con ngỏ lời xin đi theo để vừa hầu hạ ông, vừa để nương nhờ. Ông chân thành bảo:

(1) Về "Đi phu Trấn Ninh", Ban NCLS Đảng Nghệ Tĩnh.

(2) Về Nghệ Tĩnh, lưu tại Ban NCLSD.

- Anh ở lại nhà mà cày bừa làm ăn, tôi đi chưa chắc đã làm quan lâu⁽¹⁾.

Khi ba cha con ông đi rồi, bà con bảo với nhau rằng:

- Người ta đi làm quan để vinh thân, còn ông Bổng đi làm quan là để che thân⁽²⁾.

Tháng sáu năm 1906⁽³⁾, ông cùng hai con trai vào đến Huế và nhận chức Thừa Biện Bộ lễ, trông coi việc học hành ở Quốc Tử Giám với làm Hàn Lâm Kiểm thảo tòng thất phẩm.

Thừa Biện Bộ lễ là một chức quan nhỏ không được cấp nhà riêng, cho nên trong những ngày mới đến kinh đô cha con ông không có chỗ ở. Ông phải đưa hai con đến ở nhờ nhà ông Phạm Khắc Doãn, một người bạn thân quê ở Đức Thọ (Hà Tĩnh) đang làm quan ở Quốc Sử Quán. Sau đó ít lâu, ông được cấp một căn nhà ở dãy “Thuộc Viên”, sát cửa thành Đông Ba⁽⁴⁾. Dãy nhà này trước đây là trại lính “Phòng Thành” thường được gọi là “Dãy trại”, sau ngày Pháp đánh chiếm đồn Mang Cá, lính đã di chuyển nơi khác; triều đình cho sửa chữa lại để làm nơi ở cấp cho các quan nhỏ làm việc trong lục bộ. Ông Sắc là một thuộc quan nên không được cấp người hầu, ông Sắc phải tự làm mọi việc, mang theo hai con kể cũng tiện, vừa có người giúp việc vừa kèm cặp các con học tập.

(1) và (2) Tư liệu lưu trữ tại khu di tích Kim Liên.

(3) Theo tờ trình của Bộ Lại ngày 15 tháng 4 nhuận năm Thành Thái 18 (tức ngày 6-6-1906).

(4) Nay là số 47 đường Mai Thúc Loan - Huế.

Cũng là cảnh nhà quan, con quan, nhưng sao thấy nhà mình sinh hoạt không như các nhà khác, cậu Thành mới hỏi cha, ông Huy⁽¹⁾ đáp:

- Ở tại kinh thành có hai loại quan lại: Đường quan và thuộc quan. Đường quan là quan lớn được cấp dinh thự và lính hầu. Còn thuộc quan như cha là thứ quan nhỏ, được cấp căn nhà như thế này là tốt lắm đó con. Nhưng cũng có một số thuộc quan giàu có học đòi làm sang, xun xoe với quan Tây bỏ tiền thuê thàng hầu, sắm ngựa xe vênh vang, tạo cái vỏ bề ngoài để nịnh bợ. Còn mình nghèo, dù làm quan cốt sao giữ được cái tiết sạch giá trong; cái gì có thể giúp đỡ được dân chúng thì làm, chớ không phải là làm quan để vơ vét của dân làm giàu.

- Con nghe bọn trẻ ngoài phố, nó hát:

*“Nhất là Bộ Lại, Bộ Binh
Nhì là Bộ Hộ, Bộ Hình cũng xong
Thứ ba thì đến Bộ Công
Nhược bằng Bộ Lễ lạy ông tôi về”.*

Có nghĩa là sao hở cha?

- Đó là câu hát nó nói lên sự kén chọn chức tước trong chốn quan trường khi được bổ dụng. Theo thứ tự thì con thấy làm quan ở các bộ trên chẳng những có chức có quyền mà có nhiều bổng lộc đặc quyền, đặc lợi, lại còn có điều kiện đục khoét công quỹ, bòn rút của dân để làm giàu. Còn Bộ Lễ chỉ lo mấy việc: Lễ nghi tế tự, học hành

(1) Thực tế không biết cụ Phó Bảng đổi tên vào lúc nào, nhưng trong “Quốc Triều Đăng Khoa Lục” quyển nhất, ghi: Nguyễn Sinh Huy, tên cũ là Sắc. Thi Hội trúng vào hạng lấy rộng. Trong “Quốc triều Khoa bảng lục” viết về các kỳ thi Hội, danh sách đồ Phó Bảng khoa Tân Sửu (1901) cũng gọi là Nguyễn Sinh Huy, và có chú thêm “trước mang tên là Sắc” Điều này giúp chúng ta hiểu thêm vì sao trên đất Nghệ Tĩnh ai cũng gọi là cụ Bảng Sắc, còn từ Huế vào Nam mọi người thường gọi là cụ Phó Bảng Huy.

thi cử, thiên văn địa lý, bói toán và khen thưởng thì găm nhấm được cái gì mà không “lạ ông tôi về”. Còn cha được giao coi việc học ở Quốc Tử Giám mỗi tháng hai kỳ cha phải đến giảng đường Di Luân để theo dõi các buổi bình văn, bình thơ.

Sau mấy năm xa cách, cha con lần này đến Huế giữa lúc khắp kinh đô đều cúng “cô hồn” vào ngày 23 tháng 5 âm lịch, kỷ niệm hàng trăm đồng bào bị Pháp sát hại trong cuộc binh biến năm 1885; Cảnh Huế thay đổi nhiều. Cầu Tràng Tiền, nhà cửa, cây cối đổ nát, xiêu vẹo sau trận bão năm Thìn (1904) chưa chữa xong.

Bên hữu ngạn là khu vực của nhà cầm quyền Pháp với kiến trúc đồ sộ của Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, Công sứ Thừa Thiên, Trại lính Tây, Sở mật thám... Tất cả đều tường vôi trắng xóa. Bên tả ngạn vẫn đền đài, thành quách với rêu phong cổ kính thuở nào. Ở đó quan lại triều đình chia phe chia phái kình chống nhau: Trung thần bị hãm hại, gian thần lộng hành. Lợi dụng tình trạng đó, Tòa Khâm sứ Trung kỳ lần lượt nắm hết quyền hành và trở thành cơ quan quyền lực cao nhất ở chốn đế đô. Vua quan nhà Nguyễn chỉ còn là con bù nhìn.

Dân chúng đói khổ vì sưu thuế, vì quan Tây, quan ta. Cảnh cướp ngày làm mọi người càng thêm căm ghét triều đình. Bọn quan lại cúi đầu trước giặc Pháp, chỉ giỏi thói hiếp dân và tranh nhau chỗ ngồi:

*Từ ngày Tây chiếm đế đô,
Sưu cao, thuế nặng biết chừng mô hơi trời.
Còn lo một nỗi khổ đời,
Quan trên ỷ thế nhiều lời hiếp dân⁽¹⁾.*

(1) Về chống Pháp ở kinh đô Huế - Ban NCLSD Huế.